

Số: 388 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 24 – 30/5/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 28,2 – 29,5°C; Cao nhất: 36,5°C; Thấp nhất: 21,5°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 75 – 82%; Thấp nhất: 43%.
- Tổng số giờ nắng: 65– 87 giờ.
- Lượng mưa: 30 – 127 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng nóng, chiều có mưa trên diện rộng, một số nơi mưa vừa, mưa to.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xúống giống 14.627 ha/22.185 ha, đạt 66% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: xúống giống, mạ (5.030ha), đẻ nhánh (7.597 ha).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con	12.568/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Ra hoa, đậu trái	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Các giai đoạn	17.087
Điều	Thu hoạch	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Các giai đoạn	17.172

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. **Trên cây lúa:** Lúa vụ Hè Thu giai đoạn xuống giống, mạ, đẻ nhánh. SVH chủ yếu: Ốc bươu vàng DTN 383 ha tăng 50 ha, bọ trĩ DTN 82 ha giảm 38 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 208 ha tăng 156 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn cây con, SVH không đáng kể.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả: Tình hình thời tiết ngày nắng nóng, chiều tối có mưa, tạo điều kiện cho một số SVH phát triển.

+ Cây có múi: SVH có xu hướng tăng. Sâu vẽ bùa DTN 206 ha giảm 25 ha, nhện nhỏ DTN 15 ha giảm 3 ha.

+ Xoài: Bệnh thán thư DTN 25 ha tăng 9 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mũ DTN 403 ha tăng 23 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 317 ha tăng 3 ha.

+ Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 87 ha, có 3 ha nhiễm nặng.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 770 ha giảm 190 ha, bệnh chết chậm DTN 845 ha, có 4 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH giảm mạnh: bệnh thán thư DTN 103 ha giảm 12 ha, bệnh nấm hồng DTN 102 ha giảm 15 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, bọ trĩ, rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá và các SVH khác.

- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nháy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mũ, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, bệnh cháy gôm (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

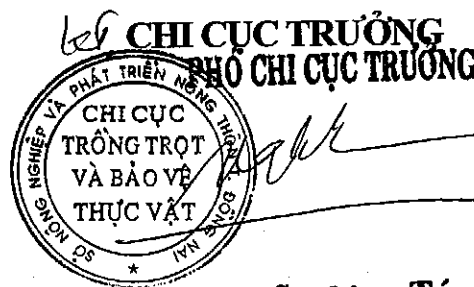
- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 24/5 đến ngày 30/5/2018)

Cây trồng	Tên SVGH *	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỹ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		204	2	0	206	0	-25.0	140.0	135	Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	3 - 5		15	0	0	15	0	-3.0	-16.0	6	Định Quán, Tân Phú
	Bệnh cháy gồm	Các giai đoạn	5		12	0	0	12	0	0.0	7.0	0	Định Quán, Trảng Bom
Chôm chôm	Rệp sáp	Bông - trái	5 - 13		171	0	0	171	0	11.0	72.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh cháy mép lá	Bông - trái	10 - 12		129	2	0	131	0	5.0	6.0	35	Cẩm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		88	5	0	93	0	-7.0	-83.0	35	Trảng Bom, Thông Nhất
Mãng cụt	Bệnh cháy gồm quả	Nuôi quá	3 - 5		15	0	0	15	0	5.0	15.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gồm	Bông - trái	3 - 10		403	0	0	403	0	23.0	260.0	159	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thông Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Bông - trái	5 - 10		317	0	0	317	0	3.0	237.0	93	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		141	0	0	141	0	10.0	52.0	52	Cẩm Mỹ, Tân Phú
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	các giai đoạn	3 - 10	5 - 20	65	19	3	87	0	0.0	28.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Bệnh thán thư	Nuôi trái-TH	5		25	0	0	25	0	9.0	-8.0	0	Định Quán
	Ruồi đục quả	Cho trái	10		15	0	0	15	0	-8.0	-214.0	50	Vĩnh Cửu
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc, bông, trái	10 - 17		37	0	0	37	0	4.0	14.0	35	Thông Nhất, Trảng Bom

		non-ra lộc bông trái											
	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	5		20	0	0	20	0	6.0	15.0	14	Thông Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		599	9	0	608	0	-165.0	172.0	30	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		591	3	0	594	0	95.0	183.0	142	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		366	4	0	370	0	1.0	196.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		182	15	0	197	0	-14.0	-128.0	25	Cầm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
	Mọt đục cành	Các giai đoạn	13 - 15		116	2	0	118	0	-2.0	95.0	15	Định Quán, Thông Nhất, Trảng Bom
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		407	1	0	408	0	3.0	10.0	0	
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 20		279	1	0	280	0	25.0	228.0	172	Tân Phú, Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 11		260	2	0	262	0	32.0	103.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 12	25	89	14	0	103	0	-12.0	-2.0	25	Trảng Bom, Thông Nhất
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16		102	0	0	102	0	-45.0	-98.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
Hồ tiêu	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	837	23	1	861	0	223.0	604.0	39	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, Thông Nhất, TX Long Khánh
	Bệnh chét chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	712	129	4	845	0	-8.0	252.0	85	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú, Thông Nhất, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		723	47	0	770	0	-190.0	104.0	68	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Thông Nhất, Long Thành
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		4	0	0	4	0	0.0	-3.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		3	0	0	3	0	1.0	-2.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	-1.0	3.0	0	Trảng Bom

Keo	Bệnh chết héo	Các giai đoạn			0	0	0	0	0	-1.0	0.0	0	
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	5		12	0	0	12	0	-32.0	-27.0	3	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Rệp ngô	Các giai đoạn			6	0	0	6	0	0.0	4.0	4	Thống Nhất
Lúa	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh	1 - 5		376	7	0	383	0	50.0	-228.0	709	Tân Phú, Định Quán, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Nhơn Trạch, Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Bệnh đạo ôn lá	Mạ-đẻ nhánh	5 - 10		208	0	0	208	0	156.0	128.0	205	Tân Phú, Thống Nhất, Cầm Mỹ
	Sâu cuốn lá nhỏ	Mạ-đẻ nhánh	1 - 12		112	0	0	112	0	76.0	77.0	110	Tân Phú, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Cầm Mỹ
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh	7 - 10		81	1	0	82	0	-38.0	55.0	8	Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch
Bầu bí	Ruồi đục quả	Nuôi trái-thu hoạch	8	20	5	0	0	5	0	1.0	-4.0	5	Nhơn Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	4	0	0	4	0	0.0	0.0	4	Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh gỉa srong mai	Các giai đoạn	5 - 10	25	11	3	0	14	0	0.0	14.0	5	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn			3	0	0	3	0	-2.0	0.0	0	Long Thành
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		13	2	0	15	0	3.0	1.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	6	2	0	8	0	0.0	-3.0	6	Nhơn Trạch, Trảng Bom
Rau cải ăn lá	Bọ nhậy	Các giai đoạn	1 - 10		18.5	0.5	0	19	0	3.0	-17.0	11	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 10	14	9	0	0	9	0	1.0	5.0	9	Thống Nhất, Nhơn Trạch
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			7	0	0	7	0	0.0	7.0	7	Thống Nhất
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau mồng tơi	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	1		1	0	0	1	0	0.0	1.0	1	TP Biên Hòa
	Bệnh thối nhũn	Các giai đoạn	2		1	0	0	1	0	1.0	1.0	1	TP Biên Hòa
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3.5	0.5	0	4	0	2.0	4.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		3	1	0	4	0	1.0	4.0	0	Trảng Bom